TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Nhựt T, sinh năm 1982 "có mặt".

*2. Bị đơn:*Chị Kim Thị X, sinh năm 1984 "vắng mặt".

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Kim Sang, sinh năm 1957 "vắng mặt".

3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1959 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/9/2022 nguyên đơn anh Mai Nhựt T trình bày: anh và chị X kết hôn vào năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện R, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/4/2002, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại ấp H, xã B. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 19 năm thì phát sinh phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nhau và đã ly thân nhau từ năm 2021 đến

nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Mai Thị Ngọc D, sinh ngày 05/02/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Mai Thị Ngọc TR, sinh ngày 24/10/2007 hiện anh đang nuôi, nay anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu TR, không yêu cầu chị X phải cấp Dỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh Mai Nhựt T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Kim Thị X không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Nhựt T.

Về hôn nhân: Xử cho anh Mai Nhựt T được ly hôn với chị Kim Thị X.

Về con chung: Mai Thị Ngọc D, sinh ngày 05/02/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiếp tục giao con chung Mai Thị Ngọc TR cho anh Mai Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Kim Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở..

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Mai Nhựt T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Kim Thị X, có địa chỉ ấp H, xã B, huyện r, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Mai Nhựt T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Kim Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nH chị X vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Mai Nhựt T và chị Kim Thị X kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 31 ngày 19/4/2002, anh T và chị X kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh T cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nhau và đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với chị X. Xét lời trình bày của phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của anh T thì chị X không có ý kiến gì, mặt dù Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhưng chị X không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con chung Mai Thị Ngọc TR, sinh ngày 24/10/2007 do anh T trực tiếp nuôi. Mặt khác con chung đủ 07 tuổi có ý kiến nguyện vọng sống chung với cha, cuộc sống cháu ổn định nên tiếp tục giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với Mai Thị Ngọc D, sinh ngày 05/02/2003 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi nên miễn xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T trình bày có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm anh T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Nhựt T .

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Mai Nhựt T được ly hôn với chị Kim Thị X.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Mai Thị Ngọc TR, sinh ngày 24/10/2007 cho anh Mai Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Kim Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Mai Nhựt T phải nộp 300.000đ (ba TR ngàn đồng) án phí ly hôn, nH được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba TR ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0014891 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, Vĩnh Long;
(Giấy kết hôn số: 31, ngày 19/4/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.